

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
“V/v tranh chấp ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Xuân Phẫu và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: bà Cao Mỹ Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2023 và bản tự khai ngày 01/3/2023 anh Hoàng Xuân T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị L có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, vào ngày 17/5/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống, vợ, chồng thiếu tin tưởng và thiếu quan tâm đến nhau. Hiện tại anh thấy vợ, chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không khắc phục được, nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị L.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị L có một con chung Hoàng Hải Đ, sinh ngày 15/01/2015. Hiện nay đang sống cùng với chị L, nên sau khi ly hôn anh có nguyện vọng giao con cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: anh và chị Nguyễn Thị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua Ủy ban nhân dân xã M, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập chị L đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Anh T, nhưng chị L không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Theo kết quả xác minh tại gia đình, ông Nguyễn Văn H (bố chị L) cho biết, chị Nguyễn Thị L là con gái của ông. Hiện tại con gái ông đi làm ăn xa, ông là người đã trực tiếp nhận giấy triệu tập và Thông báo của tòa án gửi cho chị L, thông qua người thân trong gia đình đã điện thoại báo cho chị L biết, nhưng chị L trả lời không sắp xếp được công việc để về giải quyết và có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu về việc tuân theo pháp luật đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Hoàng Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị L. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh Hoàng Xuân T ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình giao con Hoàng Hải Đ, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Hoàng Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L, chị L có hộ khẩu thường trú tại huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, nên xác định đây là tranh chấp “ly hôn”, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Hoàng Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L vắng mặt

nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị L là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa Anh T và chị L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Anh T xin ly hôn với chị L vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với chị L đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị L vẫn không có mặt và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó chứng tỏ chị L không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy, việc Anh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị L là có cơ sở nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hoàng Xuân T ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về nuôi con chung của vợ chồng: theo Anh T trình bày, hiện tại con chung của vợ, chồng đang sống cùng với chị L, nên xét nguyện vọng của Anh T sau khi ly hôn giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình để giao con chung Hoàng Hải Đ, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Xuân T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử vắng mặt anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Hoàng Xuân T ly hôn chị Nguyễn Thị L.

3. Về nuôi con chung của vợ chồng: giao con chung Hoàng Hải Đ, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Xuân T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí ly hôn: buộc anh Hoàng Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000183 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Hoàng Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Hữu Tình